

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH HÀ GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69/2017/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**  
**KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;*

*Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 2115/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành tiêu chí huyện nghèo áp dụng cho giai đoạn 2017 - 2020;*

*Xét Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỉ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016 – 2020; Báo cáo tham tra số 10/BC-KTNS ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016 - 2020.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII - Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 5 năm 2017. / *tsal*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- TTr.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND; UBND tỉnh;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT. *Inuo*

**CHỦ TỊCH**



**Thào Hồng Sơn**



**QUY ĐỊNH**

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 69/2017/NQ-HĐND  
ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2020, là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm, từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2020. Đồng thời, là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016 - 2020.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016 - 2020.

2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016 - 2020.

**Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020**

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp, nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016 - 2020, phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và các cấp chính quyền địa phương.





3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước, nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016 - 2020.

4. Ưu tiên bố trí vốn cho các huyện nghèo, các xã nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016 - 2020, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải cách thủ tục hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

## **Chương II**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp**

1. Chương trình 30a: Gồm 4 nhóm tiêu chí.

Tiêu chí 1: Dân số và dân tộc thiểu số.

Tiêu chí 2: Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo.

Tiêu chí 3: Diện tích đất tự nhiên.

Tiêu chí 4: Đơn vị hành chính và các huyện có xã biên giới.

2. Chương trình 135:

a) Đối với xã khu vực III, gồm 4 nhóm tiêu chí.

Tiêu chí 1: Đơn vị hành chính.

Tiêu chí 2: Thôn đặc biệt khó khăn, xã biên giới.

Tiêu chí 3: Tỷ lệ hộ nghèo.

Tiêu chí 4: Tỷ lệ người dân tộc thiểu số.

b) Đối với thôn đặc biệt khó khăn (*thuộc xã vùng I, II*), gồm 03 nhóm tiêu chí.

Tiêu chí 1: Đặc thù thôn đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Tiêu chí 2: Tỷ lệ hộ nghèo.

Tiêu chí 3: Tỷ lệ người dân tộc thiểu số.

3. Thời điểm và căn cứ xác định các tiêu chí: Quy mô dân số và dân tộc thiểu số, hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ vào số liệu điều tra, rà soát được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều; diện tích đất tự nhiên, đơn vị hành chính cấp xã của huyện xác định theo công bố của Cục Thống kê tỉnh; đơn vị hành chính cấp xã biên giới của huyện được xác định theo số liệu đơn vị hành chính cấp xã biên giới theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 5. Xác định hệ số của từng tiêu chí**

1. Chương trình 30a:

